

Số: /KH-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Đề án số 7484/ĐA-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021; Công văn số 5494/BNV-CCVC ngày 02/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc thi nâng ngạch, thăng hạng lên chuyên viên và tương đương, chuyên viên chính và tương đương năm 2021; Công văn số 306/BNV-CCVC ngày 24/01/2022 của Bộ Nội vụ về việc thống nhất chỉ tiêu nâng ngạch lên chuyên viên chính năm 2021 của tỉnh Quảng Nam; Công văn số 392/BNV-CCVC ngày 28/01/2022 của Bộ Nội vụ về việc bổ sung chỉ tiêu thi thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính năm 2021 tỉnh Quảng Nam;

UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn hoá tiêu chuẩn ngạch công chức theo chức danh, đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh.
- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đội ngũ theo yêu cầu vị trí việc làm, bố trí công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhận vị trí công việc, tạo điều kiện cho việc bố trí, sử dụng hiệu quả, phát huy năng lực đội ngũ trong thời gian tới;

đồng thời khuyến khích và tạo động lực nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ công chức, viên chức.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, công bằng và đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật. Cán bộ, công chức, viên chức tham dự kỳ thi phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn ngạch, chức danh dự thi theo quy định và được cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cử dự thi.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHỈ TIÊU DỰ THI

1. Đối tượng dự thi

Đối tượng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 theo danh sách cụ thể kèm theo Đề án số 7484/ĐA-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam và được Bộ Nội vụ thống nhất theo Công văn số 5494/BNV-CCVC ngày 02/11/2021; Công văn số 306/BNV-CCVC ngày 24/01/2022 và Công văn số 392/BNV-CCVC ngày 28/01/2022.

2. Chỉ tiêu dự thi

2.1. Chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức năm 2021

- Chỉ tiêu nâng ngạch lên chuyên viên: 14 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu nâng ngạch lên kiểm lâm viên: 01 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu nâng ngạch lên kế toán viên: 02 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu nâng ngạch lên chuyên viên chính: 172 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu nâng ngạch lên kiểm lâm viên chính: 01 chỉ tiêu.

2.2. Chỉ tiêu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021:

- Thăng hạng lên chuyên viên chính: 33 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên huấn luyện viên chính hạng II: 05 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên chuyên viên: 13 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên cán sự: 09 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên thư viện viên hạng III: 24 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên lưu trữ viên hạng III: 15 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên kế toán viên: 95 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên huấn luyện viên hạng III: 01 chỉ tiêu.
- Thăng hạng lên địa chính hạng III: 02 chỉ tiêu.

(Chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng lên chuyên viên chính, thăng hạng lên huấn luyện viên chính (hạng II) được Bộ Nội vụ thống nhất số lượng theo Công văn số 5494/BNV-CCVC ngày 02/11/2021; Công văn số 306/BNV-CCVC

ngày 24/01/2022 và Công văn số 392/BNV-CCVC ngày 28/01/2022; Chỉ tiêu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo Đề án của UBND tỉnh).

III. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI

1. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch

1.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Công chức đăng ký dự thi nâng ngạch công chức phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi; Trường hợp công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của ngạch dự thi thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của ngạch dự thi;

Trường hợp công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc môn tin học theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của ngạch dự thi.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức quy định tại tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi; Trường hợp công chức trước khi được tuyển dụng hoặc được tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí có yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp (nếu thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan có thẩm quyền tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức hiện giữ thì được tính là tương đương với ngạch công chức hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch dưới liền kề với ngạch dự thi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của từng ngạch

1.2.1. Nâng ngạch lên Chuyên viên - Mã số 01.003

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác, các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý nghiệp vụ thuộc phạm vi công tác;

- Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

- Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao tham mưu, đề xuất;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên.

c) Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

1.2.2. Nâng ngạch lên Chuyên viên chính - Mã số 01.002

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

- Có khả năng tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác;

- Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; có khả năng tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

- Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

c) Yêu cầu đối với công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính

- Có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch chuyên viên thì thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

- Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

1.2.3. Nâng ngạch lên Kế toán viên - Mã số 06.031

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm vững và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan;

- Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

- Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

- Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

- Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032) và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng). Đối với các trường hợp đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032) mà trước đây được chuyển từ ngạch kế toán viên cao đẳng (mã số 06a.031) sang theo quy định tại Thông tư số 77/2019/TT-BTC thì phải có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên.

Đang giữ ngạch kế toán viên cao đẳng (mã số 06a.031) và có thời gian giữ ngạch kế toán viên cao đẳng từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên.

1.2.4. Nâng ngạch lên Kiểm lâm viên - Mã số 10.226

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Có khả năng độc lập chủ động làm việc;
- Thực hiện được công tác tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra trong công tác quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;
- Tập hợp và tổ chức phối hợp được với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng giao tiếp ứng xử tốt khi tiếp xúc với cá nhân và tổ chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- Tổ chức và phối hợp giải quyết được các vi phạm pháp luật liên quan đến quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản theo đúng quy trình, thủ tục pháp luật;
- Có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên trung cấp hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.2.5. Nâng ngạch lên Kiểm lâm viên chính - Mã số 10.225

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Chủ trì hoặc phối hợp triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;
- Tổ chức phối hợp hiệu quả với các cơ quan hữu quan khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;
- Thực hiện được việc hướng dẫn và kiểm tra công tác nghiệp vụ kiểm lâm cho các thành viên khác trong cơ quan;
- Có năng lực tổng hợp, khái quát các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn của ngành kiểm lâm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng;
- Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;
- Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả;
- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về kiểm lâm hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm lâm viên chính phải có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên tối thiểu 3 năm (36 tháng).

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên chính;
- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Viên chức đăng ký dự thi nâng ngạch công chức phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của từng hạng chức danh nghề nghiệp

2.2.1. Thăng hạng lên Cán sự - Mã số 01.004

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm được các nguyên tắc, chế độ, thể lệ, thủ tục và nội dung hướng dẫn nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của ngành, lĩnh vực;

- Nắm vững trình tự, thủ tục nghiệp vụ hành chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

- Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

c) Yêu cầu đối với công chức dự thi thăng hạng lên ngạch cán sự: có thời gian giữ chức danh nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nhân viên thì thời gian giữ chức danh nhân viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

2.2.2. Thăng hạng lên Chuyên viên - Mã số 01.003: theo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1.2.1 mục III Kế hoạch này.

2.2.3. Thăng hạng lên Chuyên viên chính - Mã số 01.002

a) Theo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b khoản 1.2.2 mục III Kế hoạch này.

b) Yêu cầu đối với viên chức dự thi thăng hạng lên chức danh chuyên viên chính

- Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng;

- Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản nghiệp vụ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức xác nhận.

2.2.4. Thăng hạng lên Kế toán viên - Mã số 06.031: Theo điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1.2.3 mục III Kế hoạch này.

2.2.5. Thăng hạng lên Lưu trữ viên (hạng III) - Mã số: V.01.02.02

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Nắm vững và thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chế độ, quy định của ngành, của cơ quan, tổ chức về công tác lưu trữ. Nắm được lý thuyết, lịch sử và yêu cầu hoạt động của ngành lưu trữ, các quy trình nghiệp vụ, các chế độ, quy định về công tác lưu trữ;

- Nắm vững kiến thức các môn khoa học có liên quan đến yêu cầu của hoạt động lưu trữ;

- Nắm vững và thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong hoạt động lưu trữ;

- Nắm được những vấn đề cơ bản về tổ chức lao động khoa học trong hoạt động quản lý lưu trữ và có năng lực tổ chức thực hiện quy trình nghiệp vụ lưu trữ;

- Có kỹ năng và phương pháp nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất cải tiến nghiệp vụ lưu trữ;

- Có năng lực hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai thực hiện nhiệm vụ;

- Đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lưu trữ viên thì phải tham gia nghiên cứu ít nhất 1 (một) đề tài, đề án, công trình khoa học cấp cơ sở trở lên được cấp có thẩm quyền nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

- Viên chức thăng hạng từ chức danh lưu trữ viên trung cấp (hạng IV) lên chức danh lưu trữ viên (hạng III) phải có thời gian công tác giữ chức danh lưu trữ viên trung cấp (hạng IV) tối thiểu từ đủ 3 (ba) năm trở lên.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp từ cao đẳng chuyên ngành văn thư, lưu trữ trở lên; nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành lưu trữ;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.2.6. Thăng hạng lên Thư viện viên hạng III - Mã số: V.10.02.06

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành về công tác thư viện;

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và lĩnh vực chuyên môn được phân công;

- Biết được các ứng dụng của công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện và các kỹ năng tin học khác trong hoạt động chuyên môn được phân công.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Thời gian giữ chức danh thư viện viên hạng IV để thăng hạng lên chức danh thư viện viên hạng III

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh thư viện viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh thư viện viên hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

2.2.7. Thăng hạng lên Huấn luyện viên chính hạng III - Mã số: V.10.01.03

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có trình độ cử nhân chuyên ngành Thể dục thể thao trở lên hoặc trường hợp tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Thể dục thể thao thì phải là vận động viên cấp 1 trở lên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chức danh huấn luyện viên (hạng III) (trừ trường hợp là cử nhân chuyên ngành huấn luyện thể thao).

b) Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao;

- Hiểu biết luật, điều lệ thi đấu để vận dụng chỉ đạo trong tập luyện, thi đấu thể thao;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; nắm chắc các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu;

- Hiểu biết các nguyên lý cơ bản về giáo dục học, tâm lý học và y sinh học thể dục thể thao và vận dụng vào công tác huấn luyện các vận động viên có lứa tuổi, giới tính, trình độ khác nhau;

- Biết kiểm tra y học thể dục thể thao và sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện;

- Hiểu biết các quy định về phòng, chống Doping trong tập luyện và thi đấu thể thao.

2.2.8. Thăng hạng lên Huấn luyện viên chính hạng II - Mã số: V.10.01.02

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có trình độ cử nhân chuyên ngành Thể dục thể thao trở lên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chức danh huấn luyện viên chính (hạng II) (trừ trường hợp là cử nhân chuyên ngành huấn luyện thể thao).

b) Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao;

- Hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận, phương pháp giáo dục thể chất, học thuyết huấn luyện thể thao, kỹ thuật, chiến thuật và xu hướng phát triển kỹ thuật, chiến thuật của môn thể thao chuyên sâu ở trong nước và trên thế giới;

- Hiểu biết về các kiến thức về giáo dục học, tâm lý học, y sinh học thể dục thể thao, các quy định về phòng, chống doping trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Nhận thức và vận dụng đúng các quy định của luật thi đấu của môn thể thao; điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của liên đoàn môn thể thao ở trong nước và quốc tế;

- Biết kiểm tra y học thể dục thể thao và sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Có khả năng xây dựng kế hoạch phát triển môn thể thao, kế hoạch huấn luyện môn thể thao ở cấp đội tuyển trẻ thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ngành trở lên; có khả năng tổng hợp, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và tổ chức phối hợp với đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng công tác huấn luyện thể thao;

- Có thành tích đào tạo được vận động viên cấp kiện tướng hoặc đạt huy chương tại các giải thi đấu toàn quốc và khu vực trở lên;

- Viên chức thăng hạng lên chức danh huấn luyện viên chính (hạng II) phải có thời gian công tác giữ chức danh huấn luyện viên (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên nhưng phải có thời gian hưởng lương chức danh huấn luyện viên (hạng III) ít nhất đủ 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh huấn luyện viên chính (hạng II).

2.2.9. Thăng hạng lên Địa chính viên hạng III - Mã số: V.06.01.02

a) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành đất đai, địa chính, trắc địa hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành địa chính quy định;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức địa chính viên hạng III.

b) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Am hiểu pháp luật đất đai;

- Có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành liên quan đến đất đai;

- Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định khác về đất đai;

- Có khả năng triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

c) Việc thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III

Viên chức thăng hạng từ chức danh địa chính viên hạng IV lên chức danh địa chính viên hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng IV, như sau:

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI

1. Nội dung, hình thức, thời gian thi

Nội dung, hình thức thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1.1. Vòng 1 gồm 2 môn: Môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ.

1.1.1 Môn kiến thức chung:

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính;

b) Nội dung thi: 60 câu hỏi

- Đối với thi nâng ngạch công chức: về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của ngạch dự thi;

- Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi;

c) Thời gian thi: 60 phút.

1.1.2. Môn ngoại ngữ:

- a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính;
- b) Nội dung thi: 30 câu hỏi về tiếng Anh theo yêu cầu của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp dự thi;
- c) Thời gian thi: 30 phút.

1.2. Vòng 2 thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Đối với nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương; thăng hạng lên chức danh chuyên viên chính hoặc tương đương

- Hình thức thi: Thi viết
- Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp dự thi; thang điểm 100;
- Thời gian thi: 180 phút;

b) Đối với nâng ngạch lên ngạch cán sự hoặc tương đương; ngạch chuyên viên hoặc tương đương; thăng hạng lên chức danh cán sự hoặc tương đương; chức danh chuyên viên hoặc tương đương:

- Hình thức thi: Thi viết
- Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp dự thi; thang điểm 100;
- Thời gian thi: 120 phút;

1.3. Thông báo điểm của môn thi cho công chức, viên chức dự thi được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

1.4. *Lưu ý: Các thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2 khi đảm bảo 2 điều kiện sau: có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên môn thi kiến thức chung và có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên môn thi ngoại ngữ.*

2. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

2.1. Đối với công chức đăng ký thi nâng ngạch

- a) Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;
- b) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;
- c) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;
- d) Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

2.2. Đối với viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- a) Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;
- b) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi;
- d) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

3. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển

Xác định người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP như sau:

- a) Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi kiến thức chung, môn ngoại ngữ, trừ trường hợp miễn thi.
- b) Có kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại điểm 1.2, khoản 1, mục IV Kế hoạch này đạt từ 50 điểm trở lên và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp được Bộ Nội vụ phê duyệt và chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp UBND tỉnh Quảng Nam giao.
- c) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch, thăng hạng cuối cùng thì thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Công chức, viên chức là nữ; công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; công chức, viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); công chức, viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng tỉnh đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định người trúng tuyển.

- d) Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lần sau.

4. Thông báo kết quả thi nâng ngạch; bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp

- a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi vòng 2, Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch, thăng hạng về kết quả chấm thi và gửi thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân tỉnh về điểm thi của công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thăng hạng để thông báo cho công chức, viên chức dự thi được biết.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả thi vòng 02, người dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi viết vòng 02. Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày làm việc sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.

c) Chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả chấm phúc khảo, Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng báo cáo UBND tỉnh phê duyệt kết quả kỳ thi và danh sách trúng tuyển. Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi của UBND tỉnh, Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng có trách nhiệm thông báo kết quả thi và danh sách trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan quản lý có công chức, viên chức tham dự kỳ thi.

d) Chậm nhất là 15 ngày làm việc sau ngày nhận được danh sách trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng, các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ra quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với công chức, viên chức trúng tuyển theo quy định.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI VÀ KINH PHÍ THI

1. Dự kiến thời gian và địa điểm tổ chức thi

Thời gian thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức năm 2021 được dự kiến tổ chức vào tháng 3 hoặc tháng 4/2022, tại Trường Đại học Quảng Nam.

2. Hình thức ôn tập

Không tổ chức ôn tập theo bộ câu hỏi ôn tập, chỉ thực hiện đăng tải danh mục tài liệu liên quan đến kỳ thi trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam theo địa chỉ: www.noivuquangnam.gov.vn để thí sinh dự thi truy cập phục vụ cho quá trình thi.

3. Kinh phí phục vụ kỳ thi

Kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021 được sử dụng từ nguồn thu lệ phí dự thi và từ ngân sách của tỉnh (thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 có nhiệm vụ:

- Thông báo công khai Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021 tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ;

- Tham mưu UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021, Ban Giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021;

- Tham mưu, đề nghị Chủ tịch Hội đồng thi quyết định thành lập các ban giúp việc của Hội đồng;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh và Hội đồng thi chuẩn bị các nội dung, văn bản, tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện làm việc khác đảm bảo cho việc tổ chức kỳ thi được thực hiện thuận lợi theo đúng quy định hiện hành;

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi của tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các công việc trong quá trình tổ chức kỳ thi theo quy định; ban hành các văn bản thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này;

- Tổng hợp danh sách, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 của các cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi;

- Giúp Hội đồng thi tổ chức thu phí dự thi, quản lý và sử dụng theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu việc tổ chức kỳ thi theo đúng quy định và theo Kế hoạch này;

- Tham mưu, báo cáo Hội đồng thi thăng hạng trình Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2021 và quyết định công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch, thăng hạng;

- Tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh và Hội đồng thi giao trong quá trình tổ chức thực hiện kỳ thi.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kỳ thi theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí tổ chức kỳ thi theo đúng quy định.

3. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội đặc thù cấp tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức dự thi

- Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội đặc thù cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Thông báo công khai Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc để cán bộ, công chức, viên chức biết.

+ Trên cơ sở danh sách các thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 kèm theo Đề án đã được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành và được Bộ Nội vụ thống

nhất tại các Công văn số 5494/BNV-CCVC ngày 02/11/2021; Công văn số 306/BNV-CCVC ngày 24/01/2022; Công văn số 392/BNV-CCVC ngày 28/01/2022 của Bộ Nội vụ, đề nghị các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Hội đặc thù cấp tỉnh rà soát, kiểm tra lại nếu có thay đổi thông tin so với lúc đăng ký dự thi báo cáo về Sở Nội vụ để được điều chỉnh; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, trước pháp luật về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức cử dự thi.

+ Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác tổ chức thi, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia dự thi.

- Cán bộ, công chức, viên chức dự thi chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi. Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế kỳ thi và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự và các điều kiện cần thiết khác phục vụ Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng của tỉnh tổ chức kỳ thi được diễn ra trật tự, nghiêm túc, an toàn theo đúng quy định.

5. Thanh tra tỉnh

Cử cán bộ, công chức tham gia Ban Giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021 theo Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2021. UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Hội đặc thù cấp tỉnh;
- Báo QN, Đài PTTH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, HCTC, TH, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh